

Lịch thu gom rác gia đình (Tháng 4, 2026~Tháng 3, 2027)

[Hội khu phố tương ứng] 大蔵町・朝日町・天明町・大和町・亀井町・金屋下町・金屋仲町・金井上町・大祝町・金吹町・犬伏上町・犬伏中町・犬伏下町・下田沼・瓦町・原町・飛駒1区

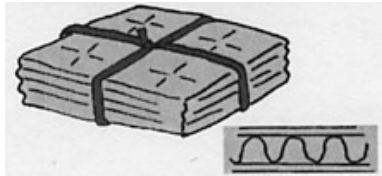
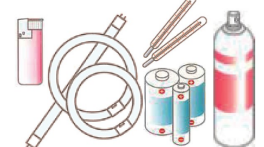
ベトナム語⑭ (水土・木)

Loại rác	Rác cháy được	Rác tái chế · Rác không cháy được · Rác thải có hại
Ngày thu gom	Thứ tư, Thứ bảy	Thứ năm ※ Các danh mục có thể vớt phụ thuộc vào từng ngày.
Địa điểm thu gom (Gomi station)	Điểm thu rác cháy được (Moeru gomi station)	Điểm thu rác tái chế · Rác không cháy được · Rác thải có hại (Shigen gomi · Moenai gomi · Yugai gomi station)
Ghi chú	Ngày 6 tháng 5 (Thứ tư) ○ Ngoài ngày đã nêu trên, việc thu gom rác sẽ không được thực hiện vào ngày lễ. ○ Ngày thu gom rác cuối cùng của năm nay : Ngày 30 tháng 12 (Thứ tư) Ngày thu gom rác đầu tiên của năm sau : Ngày 6 tháng 1 (Thứ tư)	○ Vào các ngày nghỉ lễ, chúng tôi không thu gom rác. ○ Hãy kiểm tra kỹ các loại danh mục cần vớt và ngày vớt theo bảng dưới đây.

☆ Vui lòng vớt rác tại địa điểm thu gom theo quy định trước 8 giờ sáng vào đúng ngày được chỉ định.

☆ Rác được vớt không đúng ngày hoặc vớt sau thời gian thu gom sẽ không được thu gom.

☆ Rác được vứt vào túi chỉ được phép tối đa 2 túi cho mỗi loại.

Danh mục			Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng10	Tháng11	Tháng12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
④ Thùng carton 	⑥ Quần áo Túi quy định (大・中・小) 	⑪ Rác không cháy Túi quy định (中・小) 	⇒	2 (Thứ năm) 30 (Thứ năm)	28 (Thứ năm)	25 (Thứ năm)	23 (Thứ năm)	20 (Thứ năm)	17 (Thứ năm)	15 (Thứ năm)	12 (Thứ năm)	10 (Thứ năm)	14 (Thứ năm)	18 (Thứ năm)	18 (Thứ năm)	
② Hộp giấy, tạp chí, sách, các loại giấy khác, tờ rơi 	⑧ Chai nhựa Túi quy định (大・中・小) 	⑩ Chai rỗng Túi quy định (中・小) 	⇒	9 (Thứ năm)	7 (Thứ năm)	4 (Thứ năm)	2 (Thứ năm) 30 (Thứ năm)	27 (Thứ năm)	24 (Thứ năm)	22 (Thứ năm)	19 (Thứ năm)	17 (Thứ năm)	21 (Thứ năm)	25 (Thứ năm)	25 (Thứ năm)	
③ Giấy báo và tờ rơi kèm trong báo 	⑤ Hộp giấy 	⑥ Quần áo (大・中・小) 	⑦ Khay thực phẩm màu trắng (大・中・小) 	⑫ Rác thải có hại Túi quy định (中・小) 	⇒	16 (Thứ năm)	14 (Thứ năm)	11 (Thứ năm)	9 (Thứ năm)	6 (Thứ năm)	3 (Thứ năm)	1 (Thứ năm) 29 (Thứ năm)	26 (Thứ năm)	24 (Thứ năm)	28 (Thứ năm)	— 4 (Thứ năm)
② Hộp giấy, tạp chí, sách, các loại giấy khác, tờ rơi 	⑧ Chai nhựa Túi quy định (大・中・小) 	⑨ Lon rỗng Túi quy định (大・中・小) 	⇒	23 (Thứ năm)	21 (Thứ năm)	18 (Thứ năm)	16 (Thứ năm)	13 (Thứ năm)	10 (Thứ năm)	8 (Thứ năm)	5 (Thứ năm)	3 (Thứ năm)	7 (Thứ năm)	4 (Thứ năm)	11 (Thứ năm)	